TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2026
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hường và bà Nguyễn Thị Mến

- *Thư ký phiên tòa tại điểm cầu trung tâm*: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- *Thư ký phiên tòa tại điểm cầu thành phần*: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa tại điểm cầu trung tâm:* Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần:* Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 471/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2026/QĐ-ST ngày 03 tháng 9 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/6/1979; Căn cước công dân số: 030079005201; cấp ngày 03/6/2022; Nơi cư trú : Thôn Bình C, xã Nguyên G, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh ngày 10/8/1984; Căn cước công dân số: 030184002480; cấp ngày 19/8/2022; Nơi ĐKHK: Thôn Bình C, xã Nguyên G, thành phố Hải Phòng; Hiện đang cư trú tại Đài Loan.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh Trường, chị Thủy)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 20/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, nay là xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thiếu tin tưởng, tôn trọng và quan tâm lẫn nhau. Từ khi chị Thủy sang Đài Loan lao động, vợ chồng sống ly thân, ít liên lạc, tình

cảm không còn. Chị Thủy không có địa chỉ cụ thể ở Đài Loan và cũng không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn. Anh và gia đình chị Thủy chỉ liên lạc với chị Thủy qua điện thoại. Nay anh xác định hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Thủy.

Về con chung: Anh chị có ba con chung: Nguyễn Huyền T, sinh ngày 20/02/2002; Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 24/10/2009 và Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/02/2012. Cháu Trang đã thành niên nên anh Trường không yêu cầu giải quyết; đối với cháu Ánh và cháu Dũng, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Phạm Thị Tuyết là mẹ đẻ chị Thủy trình bày: Chị Thủy và anh Trường kết hôn với nhau là tự nguyện. Sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xẩy ra bất hòa cãi nhau, không thống nhất với nhau trong cách làm ăn kinh tế gia đình. Do vợ chồng mâu thuẫn nên năm 2022 chị Thủy đi lao động tại Đài Loan. Chị Thủy không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan. Chị thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại. Bà đã thông báo cho chị Thủy biết việc anh Trường yêu cầu ly hôn. Qua trao đổi, chị Thủy đồng ý ly hôn. Chị Thủy xác định chị và anh Trường có ba con chung là Nguyễn Huyền T, sinh ngày 20/02/2002, Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 24/10/2009, Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/02/2012. Cháu Trang đã trưởng thành, khi ly hôn chị đồng ý để anh Trường nuôi hai con là Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 24/10/2009, Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/02/2012. Do chị Thủy không về Việt Nam được nên chị Thủy đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật và sớm giải quyết việc ly hôn cho anh chị. Chị Thủy ủy quyền cho bà nhận văn bản tố tụng của Tòa án, bà đồng ý nhận sự ủy quyền của chị Thủy, bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho chị Thủy.

Về tài sản chung: Bà xác định chị Thủy, anh Trường không có tài sản chung.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã Nguyên Giáp thể hiện: Anh Trường và chị Thủy có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ cũ nay là xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng vào ngày 20/11/2001. Sau khi kết hôn anh chị sống vui vẻ hạnh phúc được một thời gian, sau đó chị đi lao động Đài Loan. Do chị Thủy không có mặt tại địa phương nên tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh chị thế nào địa phương không nắm được và không can thiệp hòa giải cho anh chị. Nay anh Trường có đơn xin ly hôn chị Thủy, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giải quyết việc nuôi con cho đảm bảo cuộc sống của các cháu.

Tại phiên tòa anh Trường vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị Thủy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lê Thị T. Về con chung: Giao hai con Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 24/10/2009, Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/02/2012 cho anh Trường nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Trường tự nguyện không yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng nuôi các con. Về án phí: Anh Trường phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T đều có hộ khẩu thường trú tại xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo văn bản trả lời số 5434/XNC - Đ1 ngày 28/7/2026 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng, xác định chị Lê Thị T đã xuất cảnh gần đây nhất ngày 06/10/2022, chưa có thông tin nhập cảnh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đề nghị gia đình chị Thủy cung cấp địa chỉ của chị Thủy nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình chị Thủy cung cấp, chị Thủy đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không có địa chỉ cụ thể. Chị Thủy vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà Phạm Thị Tuyết là mẹ đẻ chị Thủy đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị Thủy biết thông tin liên quan đến nội dung vụ kiện xin ly hôn của anh Trường. Tòa án cũng đã tiến hành giao, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Thủy vẫn vắng mặt. Anh Trường đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) xác định chị Thủy là người Việt Nam làm ăn, sinh sống ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, căn cứ Điều 10 Nghị quyết 01/2024 NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ cũ nay là xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng vào ngày 20/11/2001 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Thông qua gia đình, chị Thủy cũng có quan điểm đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Trường. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trường, chị Thủy đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Trường ly hôn chị Thủy là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình sống chung, anh chị có ba con chung là Nguyễn Huyền T, sinh ngày 20/02/2002, Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 24/10/2009, Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/02/2012. Từ khi chị đi xuất khẩu lao động đến nay, cả ba con của anh chị do anh Trường chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện cháu Trang đã trưởng thành. Khi ly hôn anh Trường đề nghị được nuôi hai con Nguyễn Ngọc Á và Nguyễn Tấn D và tự nguyện không yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng tiền nuôi con. Thông qua gia đình, chị Thủy cũng có quan điểm đồng ý để anh Trường nuôi hai con. Xét thấy, hiện tại anh Trường đang ở Việt Nam, chị Thủy đang ở Đài Loan và cháu Ánh, cháu Dũng đều có nguyện vọng được ở với anh Trường. Do vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con, cần giao hai con Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 24/10/2009, Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/02/2012 cho anh Trường chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trường không yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng nuôi hai con.

[2.3] Tài sản chung: Anh Trường xác định không có, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí Dân sự (về Hôn nhân gia đình) sơ thẩm.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 - Sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 10 Nghị quyết 01/2024 NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình. Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1.*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao hai con Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 24/10/2009 và Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/02/2012 cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Trường tự nguyện không yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng nuôi hai con. Chị Thủy có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự - Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp, theo biên lai thu số 0000807 ngày 23/7/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trường đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 11 - Hải Phòng*
- *Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Nguyên Giáp, TP Hải Phòng; nơi ĐKKH để ghi vào sổ hộ tịch; ĐKKH số 31 ngày 20/11/2001;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Cẩm Vân